**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN A**
**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15- 10 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Văn Tươi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng*** *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thùy Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Y; cư trú tại xóm 5, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q; ĐKHKTT: Xóm 5, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Hiện nay anh Nguyễn Văn Q đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 01, Công an thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn xin ly hôn, tại các bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại gia đình anh Q ở xóm

5, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc vui vẻ được một thời gian đến tháng 7 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh Q có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình vợ con. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2018 anh Nguyễn Văn Q vi phạm pháp luật và đã bị xử phạt 04 năm tù. Hiện nay anh Nguyễn Văn Q đang chấp hành án tại trại tạm giam số 01, công an thành phố Hải Phòng. Hiện tại chị và anh Q đã sống ly thân, không ai còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Q, mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng không thể khắc phục được, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Q có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2010 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2013. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị.

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Văn Q không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 9 năm 2018 bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại gia đình nhà anh ở xóm 5, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc vui vẻ một thời gian đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng anh đã sống ly thân, không ai còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Năm 2018 anh vi phạm pháp luật và hiện tại đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01, Công an thành phố Hà Nội. Nay chị Y có đơn xin ly hôn với anh, anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Y có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2010 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2013. Ly hôn anh có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị Y không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện  đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử

tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, lời khai của đương sự có trong hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 28, 147, 70, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q; Về con chung: Xử giao hai con chung Nguyễn Văn H1, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2010 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung, không xem xét giải quyết. Khi nào chị Y có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y và bị đơn anh Nguyễn Văn Q:

Đối với chị Nguyễn Thị Y: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 19 tháng 9 năm 2018 chị Nguyễn Thị Y có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y.

Đối với anh Nguyễn Văn Q: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Q có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn Q về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng sự thật. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc vợ chồng bất hòa căng thẳng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Đến năm 2018 anh Nguyễn Văn Q vi phạm pháp luật và đã bị xử phạt 04

năm tù. Hiện anh Nguyễn Văn Q đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 01, Công an thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án chị Y và anh Q đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn Q đã kéo dài, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục đoàn tụ được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Y và anh Q đưa ra là tự nguyện, có căn cứ, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn Q có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2010 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2013. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án chị Y và anh Q có quan điểm thống nhất sau khi vợ chồng ly hôn hai con chung sẽ giao cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y. Xét quan điểm của hai bên đưa ra là tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai con chung Nguyễn Văn H1, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2010 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Q cho chị Y, khi nào chị Y có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2018 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung*:* Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn Q xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 70, 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

***Tuyên xử***:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Văn H1, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2010 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Q cho chị Y, khi nào chị Y có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2018 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị Nguyễn Thị Y đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0015301 ngày 24 tháng 8 năm 2018) nên không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã L (nơi ĐKKH);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Tươi**